

Bản án số: 132/2017/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2017

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiến

2. Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về “*tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LV, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thái D**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LV, xã QPBắc, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/4/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thái D chung sống vào năm 2004, không có tổ chức đám cưới mà chỉ tự nguyện chung sống với nhau đến nay và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ly thân khoảng 02 năm nay nhưng vẫn sống chung nhà. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến cự cãi thường xuyên. Nay anh nhận

thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh xin ly hôn với chị D.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 23/5/2006 và Trần Tuyết B, sinh ngày 12/02/2014 hiện do vợ chồng nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản: Anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về nợ chung anh xác định không có.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Huỳnh Thái D trình bày:**

Chị và anh Trần Văn Q kết hôn năm 2004, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã QPB, huyện ĐD. Hiện chị đang sống và làm dâu tại gia đình của anh Q; chị và anh Q hiện ở chung nhà nhưng không sống chung khoảng 2 năm nay, nguyên nhân chủ yếu là do anh Q có người phụ nữ khác bên ngoài nên xin ly hôn với chị. Ngoài ra, giữa chị và anh Q không có mâu thuẫn gì, không có cự cãi, không có hành vi bạo lực gia đình với nhau. Việc anh Q xin ly hôn thì chị và gia đình hai bên cũng không biết nguyên nhân vì sao. Nay chị xét thấy mâu thuẫn giữa chị và anh Q không đến mức độ lớn nên không đồng ý ly hôn với anh Q, chị yêu cầu được đoàn tụ chung sống nuôi con. Vợ chồng có 02 con chung hiện sống chung với anh chị, chị yêu cầu nuôi 02 con chung và không đặt ra yêu cầu gì về tài sản.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để xử bác yêu cầu của anh Q khởi kiện xin ly hôn với chị D. An phí hôn nhân gia đình anh Q phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Huỳnh Thái D tự nguyện kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã QPB, huyện ĐD ngày 12/3/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và anh chị sống ly thân hai năm nay nhưng chị D vẫn ở chung nhà với anh Q.

Tại phiên tòa anh Q trình bày cho rằng mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng sống không hợp và không còn tình cảm gì cho nhau nên anh xin ly hôn. Theo chị D trình bày vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu do anh Q có người phụ nữ khác bên ngoài nên xin ly hôn với chị. Ngoài ra, giữa chị và anh Q không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng. Vì vậy, chị không đồng ý ly hôn, yêu cầu vợ chồng tiếp tục chung sống đoàn tụ nuôi con.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn anh Q đặt ra không được chị D thừa nhận. Ngoài mâu thuẫn anh Q trình bày trên thì không còn nguyên nhân mâu thuẫn nào

khác để làm căn cứ khởi kiện xin ly hôn với chị D. Các mâu thuẫn anh Q đặt ra Tòa án xét thấy còn chung chung, không nghiêm trọng đúng như chị D và bà Võ Thị B (mẹ anh Q trình bày là mâu thuẫn không lớn, còn có thể khắc phục, hàn gắn và chưa được hai bên đưa ra quan điểm thống nhất. Ngoài ra, anh chị không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, cần có thời gian cho anh chị suy nghĩ, hàn gắn và sửa chữa những sai sót, khuyết điểm của mình trong quá trình chung sống. Ngoài ra, anh Q khởi kiện xin ly hôn nhưng anh không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày yêu cầu của anh là có cơ sở để Tòa án xem xét.

Từ các căn cứ phân tích trên, cho thấy hôn nhân của anh chị chưa lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung còn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân còn đạt được, nên yêu cầu của anh Q xin ly hôn với chị D là không có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về con chung, tài sản chung, nợ chung của anh chị là có căn cứ.

[3] Án phí hôn nhân gia đình anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Q xin ly hôn với chị Huỳnh Thái D.

2. Về án phí hôn nhân gia đình anh Trần Văn Q phải nộp 300.000 đồng, anh Q dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008718 ngày 14/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên